

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TU
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12-6-2020

V/v Ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TU, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh

2. Ông Nguyễn Văn Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Yên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU tham gia phiên tòa: Bà Bò Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã TU tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 13/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ Ch, sinh năm 1969; thường trú: Tổ 3, khu phố B, phường S, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quang K, sinh năm 1968; thường trú: Tổ 3, khu phố B, phường S, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/7/2017, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ Ch trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ Ch và ông Nguyễn Quang K tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, huyện (nay là thị xã) TU, tỉnh Bình Dương vào năm 2008.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, yêu thương chăm sóc lẫn nhau nhưng sau đó bà Trần Thị Mỹ Ch và ông Nguyễn Quang K thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, hôn nhân không có hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống nên bà Ch yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Quang K.

- Về con chung: Bà Trần Thị Mỹ Ch và ông Nguyễn Quang K có 02 con chung tên Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 19-11-1995 và Nguyễn Trung H, sinh ngày 03-02-2002. Tại thời điểm xét xử, cháu Nguyễn Trung H đã đủ 18 tuổi nên bà Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Quang K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ Nều lần để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bà Trần Thị Mỹ Ch đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TU phát biểu tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU.

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Trần Thị Mỹ Ch và ông Nguyễn Quang K là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Trần Thị Mỹ Ch và ông Nguyễn Quang K đã trầm trọng, không thể hàn gắn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Mỹ Ch.

Về con chung: Tại thời điểm xét xử, 02 con chung của bà Ch và ông K là Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 19-11-1995 và Nguyễn Trung H, sinh ngày 03-02-2002 đã đủ 18 tuổi nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Mỹ Ch không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo kết quả xác minh ngày 26/02/2020 của Tòa án, ông Nguyễn Quang K, sinh sống và đăng ký thường trú tại Tổ 3, khu phố B, phường S, thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU.

[2] Về thủ tục tố tụng và sự vắng mặt của ông Nguyễn Quang K: Tòa án đã giao và niêm yết thông báo thụ lý vụ án; đã triệu tập hợp lệ ông K tham gia hòa giải ngày vào các ngày 20/02/2020, ngày 27/03/2020, ngày 08/5/2020; niêm yết các văn bản tố tụng khác và triệu tập hợp lệ ông K tham gia phiên tòa vào các ngày 25/5/2020, ngày 12/6/2020 nhưng ông Nguyễn Quang K vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt ông K.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ Ch và ông Nguyễn Quang K tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thị xã TU, tỉnh Bình Dương, đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà Trần Thị Mỹ Ch và ông Nguyễn Quang K chung sống không hạnh phúc do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc đến nhau và không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Tòa án đã thông báo và triệu tập ông K tham gia các phiên hòa giải nhằm giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn hạnh phúc gia đình giữa ông K và bà Ch nhưng ông K vắng mặt không tham gia tố tụng, không có văn bản thể hiện ý kiến của mình trước đơn yêu cầu khởi kiện của bà Ch. Như vậy, ông K đã không quan tâm đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình với bà Ch.

Tại biên bản xác minh ngày 26/02/2020, Ủy ban nhân dân phường S, thị xã TU cho biết địa phương không biết nguyên nhân mâu thuẫn dẫn tới ly hôn giữa bà Ch và ông K vì địa phương không nhận được tin báo hay yêu cầu giải quyết.

Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau có nghĩa vụ chung sống với nhau.

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Trần Thị Mỹ Ch và ông Nguyễn Quang K đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Trần Thị Mỹ Ch yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Quang K có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng bà Ch và ông K có 02 con chung tên Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 19-11-1995 và Nguyễn Trung H, sinh ngày 03-02-2002. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, các con chung của bà Ch và ông K đã đủ 18 tuổi, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Mỹ Ch không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Mỹ Ch phải chịu theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 19, Khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ Ch với bị đơn ông Nguyễn Quang K về việc ly hôn. Bà Trần Thị Mỹ Ch được ly hôn với ông Nguyễn Quang K.

2. Về con chung: 02 con chung của bà Trần Thị Mỹ Ch và ông Nguyễn Quang K đã đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Mỹ Ch phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0037615, ngày 21/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo:

Bà Trần Thị Mỹ Ch có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Quang K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã TU;
- Chi cục THADS thị xã TU (để thi hành);
- UBND phường S;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Đã ký**

Đỗ Thị Lan Hương